

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/KDTM-ST

Ngày: 26-7-2019

Vụ án: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU
Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Tuyết Mai**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Đỗ Thị Lệ Hằng**

Ông Nguyễn Văn Minh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Bích** – cán bộ
Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều.

Trong các ngày 22 và 26 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận
Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử công khai vụ án kinh doanh thương
mại đã thụ lý số: 83/2018/TLST-KDTM ngày 17 tháng 10 năm 2018 về việc:
“*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
341/2019/QĐST-KDTM ngày 17 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần XNK Gạo PH

Địa chỉ: Số 6789, quốc lộ 91, khu vực TT, phường TT, quận TN, thành phố
CT.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị Ngọc H

Ông Nguyễn Đức T

Bị đơn: Công ty TNHH TMDV XNK HP (phản tố)

Nơi cư trú: Số 54/8, TVC, phường AH, quận NK, thành phố CT.

Người đại diện theo pháp luật: bà Phạm Thị Mộng T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 26/6/2018 Nguyên đơn Công ty Cổ phần XNK Gạo
PH trình bày: Ngày 17/8/2017 Công ty Cổ phần XNK Gạo PH (sau đây gọi tắt là

Công ty PH) có ký hợp đồng mua bán số 10/HĐKT.17 với Công ty TNHH TMDV XNK HP (sau đây gọi tắt là Công ty HP). Nội dung hợp đồng là Công ty PH bán cho Công ty HP mặt hàng trấu viên với số lượng: 1.000.000 kg (+/- 10%)/tháng, hàng được giao từng phần; Thời gian thực hiện là 03 tháng; Đơn giá là 1.500 đồng/kg, đơn giá không bao gồm thuế VAT (hàng không thuế); Giá trị là 1.500.000.000 đồng/ tháng. Hình thức Thanh toán là chuyển khoản; Phương thức thanh toán là đặt cọc 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) ngay khi ký hợp đồng và trong vòng 07 ngày thanh toán dứt điểm 100% giá trị hóa đơn.

Quá trình thực hiện hợp đồng, từ ngày 20/08/2017 đến ngày 29/09/2017 Công ty PH đã giao cho Công ty HP số lượng là 1.366.00 kg trấu viên theo yêu cầu của Công ty HP, Công ty PH cũng đã xuất đầy đủ hóa đơn hợp lệ cho Công ty HP theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng (các hóa đơn số: 0000328 ngày 31/08/2017; 0000334 ngày 15/09/2017; 0000345 ngày 30/09/2017, kèm theo các biên bản đối chiếu xác nhận số lượng số: 310817 ngày 31/08/2017; 160917 ngày 15/09/2017; 021017 ngày 30/09/2017).

Đồng thời hai bên đã tiến hành ký Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ. Theo đó, công nợ được hai bên xác nhận từ ngày 31/08/2017 đến ngày 01/10/2017 với tổng số nợ (phát sinh tăng trong kỳ) là 2.049.000.000 đồng; Số tiền đã thanh toán (phát sinh giảm trong kỳ) là 1.608.000.000 đồng; Số tiền Công ty HP còn phải thanh toán (công nợ cuối kỳ) là 2.049.000.000 đồng – 1.608.000.000 đồng = 441.000.000 đồng (bốn trăm bốn một triệu đồng).

Như vậy theo Hợp đồng mua bán số 10/HĐKT.17 đã ký kể chậm nhất vào ngày 06/10/2017 (sau 07 ngày kể từ ngày giao đợt hàng cuối cùng (29/07/2017) Công ty HP phải thanh toán dứt điểm số tiền còn nợ là 441.000.000 đồng (bốn trăm bốn một triệu đồng) cho Công ty PH. Tuy nhiên từ đó đến nay Công ty PH nhiều lần liên lạc với Công ty HP và cá nhân ông Huỳnh Hùng T– Giám đốc Công ty để yêu cầu thanh toán tiền hàng còn thiếu nhưng Công ty HP vẫn không trả. Vì vậy, Công ty Cổ Phần Xuất Nhậu Khẩu Gạo PH khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết buộc công ty Hồng Phúc phải trả cho Công ty PH số tiền hàng còn nợ là 441.000.000 đồng (bốn trăm bốn một triệu đồng) và lãi suất do chậm thanh toán số tiền trên kể từ ngày 06/10/2017 tạm tính đến thời điểm nộp đơn khởi kiện, theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường quy định tại Điều 306 Luật Thương Mại. Tạm tính đến ngày 26/06/2018 với số tiền: 441.000.000 đồng * 0.83%/tháng * 07 tháng 20 ngày = 28.062.000 đồng (hai mươi tám triệu không trăm sáu hai ngàn

đồng). Như vậy, tổng cộng, Công ty HP phải trả cho Công ty PH số tiền 441.000.000 đồng + 28.062.000 đồng = 469.062.000 đồng (bốn trăm sáu mươi chín triệu không trăm sáu hai nghìn đồng).

Tại đơn phản tố ngày 17/12/2018 Bị đơn Công ty TNHH TMDV XNK HP trình bày rằng: Công ty HP và Công ty PH có ký hợp đồng số 10/HĐKT.17 Ngày 17/08/2017 như lời trình bày của Công ty PH. Cùng ngày ký kết với Công ty PH, Công ty HP cũng ký hợp đồng số 11/HĐKT.17 ngày 17/08/2017 với công ty TNHH DTL (sau đây gọi tắt là Công ty DTL). Nội dung hợp đồng là Công ty HP bán cho Công ty DTL mặt hàng trấu viên 8 ly với số lượng là 1.000.000 kg (+/- 10%/tháng, hàng được giao từng phần được phép. Thời gian thực hiện trong 3 tháng (1.000.000kg/tháng x 3 tháng = 3.000.000kg). Đơn giá là 1.500đ/kg với tổng giá trị là 1.550.000.000 đồng/ 1 tháng. Hình thức thanh toán là chuyển khoản. Công ty DTL đã đặt cọc 465.000.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi lăm triệu đồng) tương ứng 30% giá trị của một tháng hợp đồng. Việc giao hàng là từng phần, ngày 15 và 30 tây chốt số lượng xuất hóa đơn. Bên mua thanh toán trong vòng 7 ngày.

Quá trình thực hiện hợp đồng với Công ty PH thì phía Công ty PH đã giao trấu viên 8 ly từ ngày 20/08/2017 đến 30/09/2017 với số lượng 1.366.000kg x 1.500đ = 2.049.000.000 đồng (Hai tỷ không trăm bốn mươi chín triệu đồng) rồi không tiếp tục giao hàng. Sau đó, Công ty PH đặt ra yêu cầu thanh toán tiền hàng, không tiếp tục giao hàng và thanh lý hợp đồng, làm lại hợp đồng với đơn giá mới. Sự việc trên được thể hiện tại công văn số 230917/PHR-HP ngày 23/09/2017 và số 260917/PHR-HP ngày 26/09/2017 gửi đến Công ty HP cho rằng “sẽ ngưng giao hàng, yêu cầu thanh toán hết tiền hàng và thanh lý hợp đồng”. Sau đó, Công ty HP có công văn phúc đáp số 06/CV.17 ngày 27/09/2017 yêu cầu công ty PH cho biết cụ thể ngày nào ngưng giao hàng? Dự kiến ngày nào giao hàng lại? Trách nhiệm tìm nguồn hàng thay thế giao cho bên mua trong thời gian máy ngưng chạy ra sao và Công ty HP có ý kiến xin giữ lại số tiền 741.000.000 đồng (Bảy trăm bốn mươi một triệu) tiền hàng là để tìm mua trấu viên 8 ly của đối tác bù vào lượng thiếu hụt do PH ngưng giao (nếu giá mua mới có chênh lệch cao hơn thì công ty hỗ trợ tiếp).

Đến ngày 05/10/2017 Công ty PH gửi tiếp công văn số 051017/PHR-HP xác nhận thời gian ngưng giao hàng từ 01/10/2017 và thời gian dự kiến giao lại ngày 20/10/2017 nhưng thực tế công ty PH vẫn không có giao hàng. Do đó, ngày 08/11/2018 Công ty HP gửi Công văn số 09/CV.17 yêu cầu Công ty PH cho biết thời gian giao hàng? Đến ngày 21/05/2018 công ty PH gửi công văn số

210518/HPR-HP với nội dung cho rằng công ty HP vi phạm Điều 2 của hợp đồng kinh tế số 10/HĐKT.17 ngày 17/08/2017. Yêu cầu thanh toán 441.000.000 đồng (Bốn trăm bốn bốn mươi một triệu đồng) tiền nợ mua hàng (đã trừ 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) tiền cọc). Yêu cầu ký phụ lục hợp đồng thay đổi về phương thức thanh toán và đơn giá là không phù hợp. Do đó, Công ty HP có đơn phản tố Công ty PH trả số tiền đặc cọc cho Công ty HP là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và bồi hoàn một khoản tiền phạt cọc tương đương tiền cọc là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) theo quy định pháp luật về đặc cọc do tự ý không giao hàng đúng thỏa thuận ghi trên hợp đồng. Bồi thường thiệt hại cho công ty HP số tiền 235.119.200 đồng (Hai trăm ba mươi lăm triệu một trăm mười chín ngàn hai trăm đồng) do Công ty phải tiếp tục thực hiện việc giao hàng theo hợp đồng với Công ty DTL và bồi thường thu nhập mất đi do việc không tiếp tục giao hàng của Công ty PH đối với số còn lại: $3.000.000 \text{ kg} - 1.366.000 \text{ kg} = 1.634.000 \text{ kg} \times 50 \text{ đồng} = 81.700.000 \text{ đồng}$. Tổng số tiền Công ty PH phải trả cho Công ty HP là $300.000.000 + 300.000.000 + 235.119.200 + 81.700.000 = 916.819.200$ đồng. Công ty HP đồng ý căn trừ số tiền nêu trên qua tiền hàng còn thiếu của Công ty PH. Vậy số tiền Công ty PH phải trả cho Công ty HP là $910.834.460 - 741.000.000 = 169.834.460$ đồng.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn phải thanh toán dứt điểm số tiền còn nợ với số tiền 441.000.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi một triệu đồng) và lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật.

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu phản tố do quá trình thực hiện hợp đồng từ ngày 20/08/2017 đến 29/09/2017, Cty PH đã giao cho Công ty HP tổng cộng 1.366.000 kg trâu viên, sau đó bên bán yêu cầu thanh lý hợp đồng và tính lại theo giá thị trường thể hiện tại Công văn số: CV280917/PHR-HP ngày 28/09/2017 và số: CV230917/PHR-HP ngày 23/09/2017 của Công ty PH (giá thị trường tại thời điểm này tăng vọt, khoảng 1600 – 1650đ / kg). Ngày 05/10/2017 Công ty PH có Công văn số: CV051017/PHR-HP thông báo tạm ngưng giao hàng khoảng 20 ngày, tức từ ngày 01/10/2017 đến 20/10/2017 do bảo trì máy. Tuy nhiên, sau ngày 20/10/2017 Công ty HP cũng có nhiều văn bản ngày 08/11/2017 công văn số: 09/CV.17 và ngày 08/12/2017 công văn số: 10/CV.17 gửi đến Công ty PH yêu cầu tiếp tục giao hàng nhưng vẫn không nhận được phản hồi của Công ty PH. Mãi đến ngày 21/05/2018, tức khoảng 07 tháng sau ngày thông báo tạm ngưng giao hàng,

Công ty PH mới có Công văn số: CV210518/PHR-HP thông báo về việc tiếp tục giao hàng, trong khi thời hạn hợp đồng / thời gian giao hàng được quy định trong hợp đồng số 10/HĐKT.17 ngày 17/08/2017 chỉ là 90 ngày. Từ các sự việc trên cho thấy Công ty PH đã hoàn toàn vi phạm nghiêm trọng các điều khoản được nêu trong hợp đồng số 10/HĐKT.17 ngày 17/08/2017, Công ty HP có cầm giữ số tiền hàng 741.000.000 đồng theo hóa đơn số 000345 ngày 30/09/2017 nhằm để Công ty PH tiếp tục thực hiện việc giao hàng là quyền được quy định tại Điều 346 Bộ Luật Dân sự. Tuy nhiên, thiệt hại của Cty HP khi phải thực hiện hợp đồng với Cty DTL do lỗi của Cty PH gây ra do mức chênh lệch giữa giá mua và giá bán khi Cty PH không tiếp tục giao hàng như sau với tổng số tiền thiệt hại là: 235.119.200 đồng (*có hóa đơn và bảng kê mua bán kèm theo*). Do đó, bị đơn có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại quy định tại Điều 360 Bộ Luật Dân sự. Ngoài ra, phía bị đơn còn bị Thiệt hại do thu nhập mất đi do việc không tiếp tục giao hàng của Cty PH đối với số hàng còn lại: $3.000.000 \text{ kg} - 1.366.000 \text{ kg} = 1.634.000 \text{ kg} \times 50 \text{ đồng} = 81.700.000 \text{ đồng}$. Đồng thời, theo quy định tại khoản 2 Điều 328 Bộ Luật Dân sự về đặt cọc, do Công ty PH tự ý, đơn phương ngưng ngang không giao hàng đúng thỏa thuận ghi trên hợp đồng nên công ty HP có quyền yêu cầu Công ty PH hoàn trả số tiền đặt cọc cho là 300.000.000 đồng và bồi hoàn một khoản tiền phạt cọc tương đương tiền cọc là 300.000.000 đồng, tổng cộng là 600.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Công ty PH phải trả cho Công ty HP là: $235.119.200 + 81.700.000 + 600.000.000 = 916.819.200 \text{ đồng}$. Công ty HP đồng ý căn trừ số tiền nêu trên qua tiền hàng còn thiếu của công ty PH. Vậy số tiền Công ty PH còn phải trả cho Công ty HP là: $916.819.200 - 741.000.000 = 175.819.200 \text{ đồng}$ (Một trăm bảy mươi lăm triệu tám trăm mười chín ngàn hai trăm đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về quan hệ pháp luật đang tranh chấp: Giữa nguyên đơn và bị đơn có giao kết hợp đồng mua bán hàng hóa. Quá trình thực hiện hợp đồng nguyên đơn cho rằng bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn có đơn khởi kiện tại Tòa án. Hội đồng xét xử nhận định quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”. Tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015.

[2] Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp như biên bản đối chiếu công nợ giữa nguyên đơn và bị đơn và phía bị đơn cũng thừa nhận chưa trả tiền hàng cho nguyên đơn với số tiền 741.000.000 đồng (Bảy trăm bốn mươi một triệu đồng). Các bên thống nhất trừ số tiền đặt cọc 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và xác định số nợ còn lại là 441.000.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi một triệu đồng). Do đó, phía bị đơn phải trả số tiền này và lãi suất do chậm thanh toán từ khi có đơn khởi kiện đến nay là 13 tháng với mức lãi suất 0,75%/ tháng với số tiền 42.997.500 đồng (Bốn mươi hai triệu chín trăm chín mươi bảy ngàn năm trăm đồng) cho nguyên đơn là có cơ sở. Như vậy, bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 483.997.500 đồng (Bốn trăm tám mươi ba triệu chín trăm chín mươi bảy ngàn năm trăm đồng).

[4] Đối với yêu cầu phản tố của phía bị đơn về việc trả tiền cọc và bồi thường tiền cọc là không có cơ sở bởi lẽ phía nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất xác nhận công nợ từ ngày 31/08/2017 đến ngày 01/10/2017 với tổng số nợ sau khi trừ đi số tiền đặt cọc 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) thì Công ty HP còn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn nợ lại là 441.000.000 đồng (bốn trăm bốn mươi một triệu đồng). Như vậy, giữa nguyên đơn và bị đơn đã xử lý xong khoảng tiền đặt cọc nên Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở để xem xét lại vấn đề này. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng, phía nguyên đơn có Công văn yêu cầu ngưng giao hàng hóa trong thời hạn 40 ngày để bảo trì máy móc, quá thời hạn phía bị đơn có văn bản yêu cầu nguyên đơn giao hàng nhưng phía nguyên đơn không thực hiện, cho đến năm 2018 nguyên đơn mới có văn bản yêu cầu bị đơn tiếp tục hợp đồng, nguyên đơn tiếp tục giao hàng cho bị đơn nhưng với giá cao hơn hợp đồng đã ký. Điều đó cho thấy nguyên đơn và bị đơn sau khi ký đối chiếu công nợ ngày 31/10/2017 nhưng các bên không ký thanh lý hợp đồng do đó hợp đồng này vẫn còn hiệu lực và nguyên đơn không thực hiện việc giao hàng do đó yêu cầu phản tố về chênh lệch giá là có cơ sở chấp nhận. Đối với hành vi không giao hàng hóa của nguyên đơn đã dẫn đến việc bị đơn phải tìm mua nguồn hàng hóa thay thế để giao cho Công ty DTL, bị đơn phải mua trâu viên từ Công ty HN có giá chênh lệch là $100 \text{ đồng/kg} \times 600.000 \text{ kg} = 60.000.000 \text{ đồng}$ (Sáu mươi triệu đồng) và giá chênh lệch mua từ một số doanh nghiệp nhỏ lẻ (có hóa đơn) là $150 \text{ đồng} \times 198.340 \text{ kg} = 29.751.000 \text{ đồng}$. Đối với số lượng hàng hóa còn lại 201.660 kg, bị đơn cho rằng mua củi trâu để giao nên giá chênh lệch rất cao do đó Hội đồng xét xử không

chấp nhận mức chênh lệch phía bị đơn yêu cầu. Hội đồng xét xử quyết định giá chênh lệch đối với số lượng hàng hóa còn lại bằng cách tính giá bình quân của mức giá chênh lệch của Công ty HN là 100 đồng và của một số doanh nghiệp nhỏ lẻ khác là 150 đồng. Như vậy, tổng mức bình quân là 125 đồng x 201.660 kg = 25.207.500 đồng. Vì vậy, bị đơn bị thiệt hại với tổng số tiền là 114.958.500 đồng (Tám mươi chín triệu bảy trăm năm mươi một ngàn đồng) nên nguyên đơn phải bồi thường cho bị đơn là có cơ sở. Khấu trừ số tiền Công ty TNHH TMDV XNK HP có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần Xuất nhập Khẩu Gạo PH số tiền 483.997.500 đồng (Bốn trăm tám mươi ba triệu chín trăm chín mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng), như vậy, Công ty TNHH TMDV XNK HP có trách nhiệm trả số tiền còn lại cho Công ty Cổ phần Xuất nhập Khẩu Gạo PH số tiền còn lại là 369.039.000 đồng (Ba trăm sáu mươi chín triệu không trăm ba mươi chín ngàn đồng).

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận và yêu cầu phản tố của bị đơn được chấp nhận một phần nên nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 24 và Điều 50 Luật Thương mại năm 2005;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn.

Buộc **Công ty TNHH TMDV XNK HP** có trách nhiệm trả số tiền còn lại cho **Công ty Cổ phần Xuất nhập Khẩu Gạo PH** số tiền còn lại là 369.039.000 đồng (Ba trăm sáu mươi chín triệu không trăm ba mươi chín ngàn đồng).

Thời gian và cách trả do Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều giải quyết.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn, nếu bị đơn không trả số tiền trên thì bị đơn phải chịu lãi suất theo Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Về án phí: Bị đơn phải nộp 18.452.000 đồng (Mười tám triệu bốn trăm năm mươi hai ngàn đồng) án phí sơ thẩm, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bị đơn đã nộp là 4.246.000 đồng (Bốn triệu hai trăm bốn mươi sáu ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 000718 ngày 18/12/2018 bị đơn phải nộp thêm số tiền 14.206.000 đồng (Mười bốn triệu hai trăm lẻ sáu ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều. Nguyên đơn phải nộp 5.748.000 đồng (Năm triệu bảy trăm bốn mươi tám ngàn đồng), khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp là 11.382.000 đồng (Mười một triệu ba trăm tám mươi hai ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 001519 ngày 10/7/2018, nguyên đơn được nhận lại số tiền 5.634.000 đồng (Năm triệu sáu trăm ba mươi bốn ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều;
- Lưu .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Tuyết Mai